

## VÀI NÉT VỀ ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ CỦA PHỤ NỮ ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ KHU V NHỮNG NĂM 1961 - 1965

VŨ THỊ HƯƠNG

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trường kỳ của dân tộc ta kết thúc thắng lợi là kết quả tất yếu dựa trên nhiều nguyên nhân, trong đó phải kể đến nghệ thuật quân sự sáng tạo của Đảng: Đánh địch bằng hai chân, ba mũi giáp công trên ba vùng chiến lược. Đấu tranh chính trị được Đảng ta coi trọng như một mũi tiến công hiệu quả, góp phần tích cực hỗ trợ cho đấu tranh vũ trang và binh vận, tạo thành ba mũi giáp công - chính trị, quân sự, binh vận, tạo thế và lực mạnh nhất quyết đánh thắng kẻ thù xâm lược.

Cùng với mọi tầng lớp nhân dân, phụ nữ Khu V đã có những đóng góp to lớn vào chiến thắng vĩ đại của dân tộc trong cuộc kháng chiến. Trong đấu tranh chính trị, phụ nữ là lực lượng cơ bản, là hạt nhân tập hợp các tầng lớp nhân dân, hình thành, phát triển đội quân chính trị của quần chúng, đồng thời phụ nữ là lực lượng xung kích, nòng cốt với các hình thức đấu tranh linh hoạt, sáng tạo, phù hợp trên từng địa bàn, trong những điều kiện cụ thể, qua các giai đoạn phát triển của cách mạng.

Với truyền thống yêu nước sâu sắc và đấu tranh cách mạng kiên cường, đã có nhiều công trình nghiên cứu đề cập đến vị trí, vai trò và những đóng góp to lớn của phụ nữ Việt Nam nói chung và phụ nữ các địa

phương nói riêng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, qua đó tiếp tục khẳng định sự đánh giá cao của Đảng và dân tộc ta đối với sức mạnh to lớn của phụ nữ. Tuy nhiên, chưa có một công trình nghiên cứu nào đi sâu phân tích những đóng góp của phụ nữ các dân tộc thiểu số trên địa bàn Khu V - một chiến trường ác liệt trong cuộc trường kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Bài viết này sẽ góp phần tìm hiểu vai trò của phụ nữ Khu V trong đấu tranh chính trị những năm 1961 - 1965 - thời kỳ đế quốc Mỹ và tay sai thực hiện chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam nước ta.

1. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, địa bàn Khu V gồm 14 tỉnh: Quảng Đà, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Quảng Đức, Tuyên Đức, Lâm Đồng (Học viện Chính trị - Hành chính khu vực III, Đà Nẵng, 2010, tr. 12). Nằm ở trung phần đất nước, Khu V là địa bàn có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng của cách mạng Việt Nam: có địa giới giáp hai nước Lào và Campuchia ở phía Tây, giáp tỉnh Thừa Thiên - Huế ở phía Bắc, giáp tỉnh Đồng Nai ở phía Nam. Với vị trí như vậy, sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, địa bàn Khu V trở thành nơi tiếp giáp với miền Bắc xã hội chủ

nghĩa, đồng thời cũng là tiền tuyến của địch. Đặc biệt, địa bàn Khu V gồm khu vực rừng núi hiểm trở Tây Nguyên, là địa bàn quân sự có tầm chiến lược quan trọng của đất nước, là nơi sinh sống của các dân tộc thiểu số như: Ba-na, Gia-rai, Ê-đê, Co, Cơ-ho, Mạ, Xơ-đăng, Mnông... Mặc dù dân cư ở địa bàn này thưa thớt nhưng có tinh thần yêu nước, có truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm, dày dặn kinh nghiệm đánh giặc, bảo vệ buôn làng.

Phát huy truyền thống yêu nước và đấu tranh cách mạng trước đây, bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, đặc biệt sau khi có Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa II) năm 1959, phong trào đấu tranh chính trị của phụ nữ đồng bào dân tộc thiểu số ở Khu V có những chuyển biến tích cực, góp phần quan trọng đưa cách mạng chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

2. Bước sang đầu năm 1961, phong trào Đồng khởi đã khiến Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm lúng túng, buộc Mỹ phải bị động chuyển sang chiến lược chiến tranh mới - “Chiến tranh đặc biệt” để đối phó với cách mạng Việt Nam. Đây là một loại hình chiến tranh trong khuôn khổ chiến lược quân sự toàn cầu “Phản ứng linh hoạt” của đế quốc Mỹ. Đặc điểm của loại chiến tranh này là sử dụng quân đội bản xứ làm công cụ tiến hành chiến tranh với sự hỗ trợ của đô la, vũ khí của Mỹ, do Mỹ chỉ huy. Học tập kinh nghiệm của thực dân Anh ở Mã Lai, vận dụng vào chiến trường Việt Nam, Mỹ và chính quyền Sài Gòn đã triển khai các nội dung chủ yếu: Đồn dân vào áp chiến lược trên quy mô lớn hòng “tát nước bắt cá”, tách lực lượng cách mạng ra khỏi nhân dân. Đây

được coi là “xương sống” của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”; tăng cường quân đội Sài Gòn, mở các cuộc hành quân càn quét để tiêu diệt lực lượng vũ trang cách mạng và hỗ trợ cho việc đồn dân lập ấp chiến lược; tiến hành các hoạt động chiến tranh bí mật phá hoại miền Bắc (Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, 2014, tr. 79-80).

Với sự tăng viện về đô la, vũ khí, thiết bị chiến tranh, đội ngũ cố vấn của Mỹ, chính quyền và quân đội Sài Gòn đã vạch ra kế hoạch chiến lược Stalây - Taylo với tham vọng “bình định miền Nam Việt Nam trong vòng 18 tháng” (từ tháng 7/1961 đến tháng 12/1962) bằng việc dồn sức vào gom dân lập ấp chiến lược với nhiều thủ đoạn và biện pháp khốc liệt, đẫm máu; mở nhiều cuộc hành quân càn quét, sử dụng các loại vũ khí hiện đại... đánh phá phong trào cách mạng, đánh sâu vào toàn bộ hệ thống căn cứ kháng chiến, bịt kín vùng biên giới nhằm ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho cách mạng miền Nam.

Để đối phó với chiến lược mới của Mỹ, trên cơ sở thế và lực mới do cao trào Đồng khởi tạo ra, Hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng (tháng 1/1961 và tháng 2/1962) đã quyết định chuyển cách mạng giải phóng miền Nam lên giai đoạn mới, phát triển các cuộc khởi nghĩa từng phần thành cuộc chiến tranh cách mạng trên quy mô toàn miền Nam. Kết hợp chặt chẽ chiến tranh cách mạng với khởi nghĩa của quần chúng. Giữ vững và đẩy mạnh đấu tranh chính trị, đồng thời đưa đấu tranh vũ trang phát triển lên một bước mới, ngang tầm với đấu tranh chính trị. Tiến hành đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị song song, đẩy mạnh đánh địch bằng ba mũi giáp công:

quân sự, chính trị, binh vận. Vận dụng phương châm đấu tranh phù hợp với đặc điểm từng vùng chiến lược: rừng núi, đồng bằng, thành thị. Ngày 15/12/1961, Bộ Chính trị ra chỉ thị thống nhất các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam. Các đơn vị bộ đội miền Nam tập kết ra Bắc từ sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 lần lượt trở lại chiến trường. Thực hiện chủ trương chuyển hướng chiến lược đó, Quân ủy Trung ương cùng Ban Thống nhất Trung ương được Bộ Chính trị giao nhiệm vụ giúp Trung ương trực tiếp chỉ đạo công tác quân sự và đấu tranh chính trị ở miền Nam; tăng cường các cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy ở miền Nam như Trung ương Cục, Khu ủy, Bộ Chỉ huy Miền và Bộ chỉ huy quân sự các quân khu. Đồng thời, phân chia lại chiến trường theo yêu cầu phát triển của chiến tranh.

Ở Khu V, do phạm vi chiến trường quá rộng (từ bờ Nam sông Bến Hải đến Đông Nam Bộ) nên việc chỉ đạo của Khu ủy xuống đến các đảng bộ gặp nhiều khó khăn nên tháng 5/1961, Trung ương Đảng quyết định tổ chức chiến trường khu vực miền Trung thành Khu V và Khu VI. Địa bàn Khu V thời kỳ này gồm các địa phương: Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Kon Tum, Gia Lai. Về mặt lãnh đạo và chỉ đạo, Khu V trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương. Ngày 27/7/1961, Bộ Tư lệnh Quân khu V, Quân khu VI được thành lập.

Căn cứ vào đặc trưng của từng địa bàn chiến lược và để tiện cho việc tổ chức, chỉ huy, cũng như bảo đảm cho việc chi viện, tiếp tế, cuối năm 1963, Trung ương đã quyết định điều chỉnh địa giới hành chính Khu V, Khu VI và miền Đông Nam Bộ, theo đó Khu

V vẫn bao gồm các tỉnh đã có và có thêm hai tỉnh Đắk Lắk và Khánh Hòa. Tiếp đến ngày 1/5/1964, Trung ương quyết định thành lập Mặt trận Tây Nguyên (mật danh B3), địa bàn hoạt động chủ yếu là các tỉnh Kon Tum, Gia Lai và Đắk Lắk. Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Mặt trận chịu sự lãnh đạo và chỉ huy trực tiếp của Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng, đồng thời chịu sự lãnh đạo của Khu ủy V và Bộ Tư lệnh Quân khu V.

3. Đánh giá cao vai trò của đấu tranh chính trị trong cuộc đấu tranh chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ và chính quyền tay sai, thực hiện chủ trương của Đảng, Khu ủy V đặc biệt phát huy vai trò của lực lượng phụ nữ đấu tranh chính trị, trong đó đấu tranh chính trị của phụ nữ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt được coi trọng bởi địa bàn sinh sống của các mẹ, các chị tập trung ở khu vực nông thôn, rừng núi, là chiến trường đặc biệt quan trọng trong đấu tranh cách mạng.

Những năm 1961 - 1965, thực hiện chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, Mỹ và quân đội Sài Gòn tập trung lập các ấp chiến lược và coi đó là “quốc sách”, là xương sống của chiến lược chiến tranh mới. Vì vậy, chống, phá “ấp chiến lược” cũng là mục tiêu quan trọng hàng đầu trong đấu tranh chính trị của quần chúng nhân dân, trong đó có lực lượng phụ nữ dân tộc thiểu số.

Gia Lai là một trong số các tỉnh Tây Nguyên mà Mỹ - Ngụy đẩy nhanh tốc độ và mức độ lập ấp chiến lược. Song đây cũng là một trong những địa bàn có phong trào đấu tranh chống, phá ấp chiến lược sôi nổi nhất ở địa bàn Khu V. Đấu tranh chống địch dồn dân diễn ra ở Kon Dong (huyện 3), địch mang xe ủi đến cào nhà, phá hoa màu, đồng

đảo chị em phụ nữ Gia-rai, Ba-na ở các làng đã vận động mọi người bám chặt cột nhà không cho địch vào nhà, buộc chúng phải nhượng bộ. Đồng bào làng Tel (huyện 5), làng Mun, làng Roch Lanmg (huyện 4) bị địch đốt nhà nhiều lần, vẫn không chịu khuất phục. Các chị Bàu (làng Prông), chị Ring (làng Ia Ko), chị Ble (làng Ia Glai) thuộc huyện 5 là những chị đã tích cực vận động dân làng bám nhà, bám làng đến cùng. Các chị Biô, Biai, Ô, Lu là những người trong một nhà, đã vùng các chị Pé, Ôi tổ chức dân làng Bong Kluh xã E7 (Ia Bong, huyện 5) đấu tranh chống địch dồn dân và kiên quyết giành lại từ trong tay địch những của cải, tài sản mà chúng đã cướp giạt (Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Gia Lai, 2011, tr. 225). Cuộc phá ấp đồn Tel (làng Bak, xã Ia Phin, huyện 5) một sự kiện điển hình. Ấp này có 114 nhà do tên Kpã Huynh làm ấp trưởng, rất gian ác; nó đã từng tuyên bố “làng Bak theo “Việt cộng” phải tăng cường kiểm soát nghiêm ngặt, nếu cần có thể giết cả làng”. Một đại đội lính bảo an đóng đồn canh giữ dân trong ấp. Dân làng đấu tranh từ khi có ấp. Huyện ủy đã cử một cán bộ đến trực tiếp chỉ đạo. Cơ sở nòng cốt của làng là chị Bình, chị Bloih, chị Hyoih và chị Phia. Tháng 11/1962, dân nổi dậy phá ấp. Các chị Jrik, Vôn, Beo, Nep là những phụ nữ tích cực vận động dân nổi dậy phá ấp về làng cũ. Được bộ đội, du kích hỗ trợ, kế hoạch phá ấp chuẩn bị kỹ lưỡng. Sau khi bí mật đưa số người già và trẻ em ra trước, số dân còn lại tiếp tục ra khỏi ấp, chỉ còn lại thanh niên và du kích. Số này cùng bộ đội huyện bắn súng uy hiếp đồn phó, vừa châm lửa đốt nhà trong ấp, để địch phải đối phó, không có thì giờ đuổi theo dân, vừa tạo cơ hội pháp để dân đấu tranh với địch (Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Gia Lai, 2011, tr. 226-227).

Tháng 8/1961, trong đợt hoạt động quân sự kết hợp phong trào quần chúng nổi dậy phá kim kẹp chống dồn dân do Khu ủy V phát động, tại tỉnh Kon Tum, các lực lượng vũ trang ta đã tấn công tiêu diệt gọn cứ điểm quận lỵ Đăk Hà. Tranh thủ thời cơ, phụ nữ Xơ-đăng, Tày, Nùng đã cùng với nhân dân 28 làng trong quận nổi dậy phá tan bộ máy tề điệp, phá vỡ một mảng lớn hệ thống đồn bót kim kẹp của địch trong vùng (Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, 1999, tr. 281). Nhiều nơi dọc các trục lộ số 5 từ thị xã Kon Tum đi Măng Bút, từ Măng Đen đi Ba Tơ (Quảng Ngãi), các cứ điểm của địch đều bị lực lượng vũ trang ta tấn công, phụ nữ cùng nhân dân đã nổi dậy quay về làng cũ làm ăn. Tháng 7/1962, tại H67, phụ nữ ở ấp Đăk Rô Đe tích cực giúp đỡ các lực lượng vũ trang tấn công tiêu diệt ấp, sau đó cùng dân làng nổi dậy phá ấp, đốt rào..., bung về làng cũ làm ăn. Tại H40 (Tây Đăk Glei), phụ nữ các làng Đăk Pi, Pênh Long, Đăk Dtu, Đăk Oong, Đăk Sủ, Đăk Xây cùng với nhân dân không chịu để địch dồn về các ấp chiến lược ven đường 14, đã cùng lực lượng vũ trang phá rã các ấp chiến lược, kéo về vùng căn cứ bố phòng chống đánh địch. Cùng với các hoạt động trên, nhiều chị em phụ nữ ở tỉnh Kon Tum là cơ sở, nòng cốt đã giúp đỡ và tham gia cùng các đội vũ trang công tác thọc sâu vào các vùng bị đứt liên lạc, vùng tranh chấp và quanh các đồn bót địch... trấn áp bọn tề điệp, gian ác, tuyên truyền, phát động tư tưởng cách mạng cho phụ nữ và quần chúng nhân dân. Đến cuối tháng 3/1965, phong trào phụ nữ và quần chúng nhân dân vùng phía trước đã thu nhiều thắng lợi. Từ trong chiến đấu chống địch, nhiều chị

em phụ nữ trưởng thành và lập công xuất sắc: Tại H40, chị Y Nga tuy không có vũ khí trong tay nhưng nhờ dũng cảm, mưu trí đã bắt được địch, thu vũ khí. Tại H80, trong một trận chiến đấu phối hợp cùng du kích xã chống địch càn vào làng, chị Y Dục - nữ đoàn viên xã Teo Xăng một mình bắn chết 1 tên và làm bị thương 3 tên địch, lập thành tích cá nhân xuất sắc (Ban Chấp hành Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Kon Tum, 2006, tr. 152).

Tại tỉnh Quảng Ngãi, ở nhiều nơi, đông đảo quần chúng, trong đó lực lượng chủ yếu là phụ nữ đấu tranh trực diện với địch, không cho chúng dỡ nhà, đốt nhà, dồn dân vào ấp chiến lược. Có nơi như ở xã Phổ Cường (Đức Phổ), chị em tự tay đốt nhà mình để gây áp lực với địch. Phụ nữ ở Phú Sơn, Phú Thuận (Tur Nghĩa) đấu tranh không cho địch lập ấp Phú Khương, Phú Thọ. Ở Ba Tơ, chị em liên tục tổ chức các cuộc đấu tranh tập thể chống chủ trương rào hào, lập ấp chiến lược của địch, đòi địch thả chồng, con đi lính.

Đặc biệt, ngay sau khi Ngô Đình Diệm bị lật đổ (ngày 1/11/1963), phong trào đấu tranh của phụ nữ và quần chúng trong vùng địch kiểm soát bùng lên mạnh. Tại vùng Khu 7 (H80), đông đảo phụ nữ Xơ-dăng đã cùng dân làng trong vùng kéo lên quận lỵ Đăk Tô đấu tranh với chính quyền địch, yêu cầu chúng không được dồn dân, bắn pháo vào làng, buộc địch phải chấp nhận. Ở các cứ điểm Chư Grết, Kleng (Tây Nam thị xã Kon Tum), phụ nữ tham gia cùng nhân dân nổi dậy phá ấp, khu dồn, bọn dân vệ cố thủ trong đồn nhìn thấy nhưng lo sợ, không dám

ló mặt (Ban Chấp hành Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Kon Tum, 2006, tr. 143-144, 150).

4. Tháng 5/1965, trên đà thắng lợi, Quân khu chủ trương tập trung bộ đội chủ lực mở các trận đánh trên bốn hướng: Bắc Quảng Ngãi, Nam Tây Nguyên, Tây Gia Lai, Bắc Kon Tum. Trên hướng Bắc Quảng Ngãi, ta mở chiến dịch Ba Gia. Địa bàn chiến dịch gồm ba huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tur Nghĩa và thị xã Quảng Ngãi. Để phối hợp tác chiến, ngoài quân chủ lực, lực lượng tham gia chiến dịch Ba Gia còn có du kích và dân công. Trong ba ngày đêm chiến đấu ròng rã, quân và dân ta tiêu diệt, đánh thiệt hại nặng bốn tiểu đoàn địch, bẻ gãy cuộc hành quân lớn của địch nhằm cứu nguy cho cứ điểm Ba Gia. Đây là lần đầu tiên trên chiến trường Khu V, 1 trung đoàn chủ lực của ta tiêu diệt 1 chiến đoàn hỗn hợp tinh nhuệ của địch, có cố vấn Mỹ tham gia. Trong những ngày mở chiến dịch, phụ nữ nói chung, trong đó có đông đảo chị em các dân tộc Co, Hrê ở các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tur Nghĩa và thị xã Quảng Ngãi bất chấp gian khổ, hy sinh tận tình phục vụ bộ đội, du kích chiến đấu. Hàng trăm chị tham gia vận chuyển vũ khí, đạn dược cho chiến dịch. Gần 400 tấn gạo và thực phẩm được chị em vận động thu mua, đóng góp đủ để bộ đội, du kích ăn no, đánh thắng. Chị em còn đảm nhận và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tải thương, cứu chữa anh em thương binh. Đặc biệt, phụ nữ và nhân dân các xã Tịnh Đông, Tịnh Giang, Tịnh Hiệp, Tinh Minh, Tịnh Bắc, Tịnh Sơn, Tịnh Bình (Sơn Tịnh) che giấu cả một trung đoàn bộ đội chủ lực Quân khu V an toàn, bí mật (Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Quảng Ngãi, 2010, tr. 152-153).

Những nơi địch dồn được dân, chị em phụ nữ cùng đồng bào vẫn tìm mọi cách kéo dài việc rào làng, lập ấp, đấu tranh giành cơ, có nơi, nửa năm trời, địch vẫn chưa rào xong được ấp. Tuy bị dồn vào ấp chiến lược, nhưng chị em phụ nữ và nhân dân vẫn tìm cách liên hệ với đội công tác, che chở, bảo vệ, tiếp tế cho cán bộ, bộ đội. Nhờ đấu tranh chính trị, chị em giữ được thế hợp pháp, quan hệ bình thường giữa vùng ta làm chủ và vùng địch kiểm soát.

### Kết luận

Đến giữa năm 1965, hơn 50 vạn quân Việt Nam Cộng hòa - nòng cốt của “Chiến tranh đặc biệt” không đủ sức đương đầu với Quân Giải phóng miền Nam; chương trình “bình định” được coi là xương sống của cuộc chiến tranh này đã bị phong trào tiến công và nổi dậy của nhân dân miền Nam làm phá sản. Chính quyền Sài Gòn - chỗ dựa về chính trị để Mỹ tiến hành chiến tranh ngày càng lâm vào tình trạng khủng hoảng. Như vậy, chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” sau bốn năm triển khai, về cơ bản đã bị đánh bại trên chiến trường miền Nam.

Những năm 1961 - 1965, trên khắp chiến trường miền Nam, chiến tranh nhân dân phát triển rộng khắp cả ba vùng chiến lược (rừng núi, nông thôn, đồng bằng, đô thị); cuộc đấu tranh chuyển từ khởi nghĩa từng phần lên chiến tranh cách mạng, tập trung đánh bại các biện pháp lớn của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.

Trên địa bàn Khu V, chị em phụ nữ đồng bào dân tộc thiểu số đã vận dụng rất linh hoạt các hình thức đấu tranh chính trị với hành động mềm dẻo, khôn khéo, kiên quyết để đạt được mục tiêu chống giặc càn quét dồn dân, cướp phá tài sản, tập trung phá

rã quốc sách ấp chiến lược của địch và tích cực phục vụ chiến đấu. Những bài học trong đấu tranh chính trị của chị em phụ nữ dân tộc thiểu số thời này là những kinh nghiệm quý cần tiếp tục được tìm hiểu, nghiên cứu đầy đủ, sâu sắc hơn, qua đó khẳng định những đóng góp quan trọng của chị em trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Những bài học về phát huy vị trí, vai trò và sức mạnh của phụ nữ cần tiếp tục được phát huy trong giai đoạn đổi mới, xây dựng đất nước hiện nay để không ngừng củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, phát huy nội lực đất nước.

### Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Kon Tum (2006), *Lịch sử phong trào phụ nữ tỉnh Kon Tum (1930 - 2001)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Báo cáo tổng hợp đề tài *Sự sáng tạo của Khu ủy Khu V trong lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, Học viện Chính trị - Hành chính khu vực III, Đà Nẵng, 2010.
3. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (2014), *Lịch sử tư tưởng quân sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Gia Lai (2011), *Lịch sử phong trào phụ nữ và Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Gia Lai (1930 - 2010)*, Gia Lai.
5. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Quảng Ngãi (2010), *Lịch sử phong trào phụ nữ tỉnh Quảng Ngãi 1930 - 2010*, Quảng Ngãi.
6. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (1999), *Phụ nữ Nam Trung Bộ trong kháng chiến cứu nước (1930 - 1975)*, Nxb Đà Nẵng.